

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DSST

Ngày: 23 – 3 - 2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thúy Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Đáng;
2. Ông Lý Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Tú – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 & 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, T phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung T. Địa chỉ: phường Xuân K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Đại diện ủy quyền: Anh Phạm Mạnh H. Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017. Có mặt.

Địa chỉ: phường An K, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Đinh Công Hoàng H. Địa chỉ: phường Long H, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị An Thị Phương T. Cùng địa chỉ bị đơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2017 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn anh Phạm Mạnh H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 15/12/2013 nguyên đơn anh Nguyễn Trung T cho vợ chồng anh Đinh Công Hoàng H và chị An Thị Phương T vay số 112.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, để đáo hạn ngân hàng hẹn 10 ngày trả. Đến ngày 24/11/2014 vợ chồng anh H tiếp tục vay thêm số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 10/7/2015 vợ chồng anh H chị T có ký nhận chốt nợ lại tổng cộng vốn và lãi là 450.000.000 đồng và hẹn đến ngày

24/9/2015 sẽ hoàn trả lại. Tuy nhiên đến nay vợ chồng anh H chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hứa, nên nguyên đơn anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh H chị T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh T tổng cộng số tiền là 450.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 362.000.000 đồng, lãi suất đến ngày 10/7/2017 là 88.160.000 đồng và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017; biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/7/2017 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn – anh Đinh Công Hoàng H trình bày:

Bị đơn anh H thừa nhận anh và chị T có vay tiền của nguyên đơn anh T, nhưng chỉ vay số tiền 250.000.000 đồng, theo biên nhận nợ vào ngày 24/11/2014 và có đóng lãi suất đầy đủ. Còn riêng đối với số tiền 450.000.000 đồng là do cộng cả vốn và lãi, còn đối với biên nhận ngày 15/12/2013 số tiền 112.000.000 đồng thì anh đã trả nhưng do tin tưởng nguyên đơn anh T nên không lấy lại biên nhận nợ. Hiện tại, do kinh tế khó khăn nên chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền như nguyên đơn anh T yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải và công khai chứng cứ vào các ngày 27/6/2017; 13/7/2017; 31/7/2017 và ngày 14/8/2017 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với chị T, nhưng chị T vắng mặt không lý do nên Tòa án đã tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ vắng mặt chị T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, rút một phần về yêu cầu lãi suất, không yêu cầu tính lãi suất đối với biên nhận nợ ngày 15/12/2013 của số tiền vốn 112.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn anh T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/7/2017 bị đơn anh H thừa nhận, anh cùng với vợ là chị T có vay của anh T số tiền theo như biên nhận nợ ngày 15/12/2013 và 24/11/2014 (nhưng cho rằng đối với biên nhận ngày 15/12/2013 thì đã trả xong). Trong quá trình thực hiện giao dịch, phía anh H chị T không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng:

Thứ nhất: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ anh H, chị T vào các ngày 01/9/2017; 25/10/2017; 07/12/2017; 12/01/2018 và ngày 23/3/2018 nhưng bị đơn anh H và người liên quan chị T vẫn vắng mặt không lý do, nên chiếu theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo qui định.

Thứ hai: Tòa án có yêu cầu bị đơn anh H viết bản tự khai, tuy nhiên bị đơn cho rằng đã trình bày đầy đủ tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 nên từ chối viết bản tự khai.

Thứ ba: Bị đơn anh H cho rằng đã trả xong đối với biên nhận nợ ngày 15/12/2013 của số tiền 112.000.000 đồng và cho rằng trong tổng số tiền chót nợ vào ngày cuối cùng (10/7/2015) là bao gồm cả vốn và lãi. Nguyên đơn không đồng ý việc này. Do đó, Tòa án xét thấy cần mở phiên đối chất để làm rõ các vấn đề trên. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối

với anh H và chị T vào các ngày 11/9/2017 và ngày 15/9/2017 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, không thể tiến hành đổi chất được.

Xét giao dịch dân sự: Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/7/2017, bị đơn anh H thừa nhận anh và chị T có vay anh T số tiền vốn 250.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 24/11/2014, còn riêng biên nhận đối với số tiền 450.000.000 đồng đề ngày 10/7/2015 anh cũng thừa nhận nhưng cho rằng đây là số tiền bao gồm vốn và lãi. Nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập hợp đồng vay tài sản là sự thật.

[1] Xét yêu cầu của phía nguyên đơn:

+ Về nợ vốn: Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/7/2017 bị đơn anh H thừa nhận anh và chị T có nợ nguyên đơn anh T tiền vốn là 250.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định việc anh H và chị T có vay số tiền 250.000.000⁽¹⁾ đồng của nguyên đơn anh T là sự thật. Nên yêu cầu này của nguyên đơn anh T đối với biên nhận nợ ngày 24/11/2014 là có cơ sở chấp nhận.

+ Xét biên nhận nợ ngày 15/12/2013 số tiền vốn 112.000.000 đồng bị đơn thừa nhận có nợ nhưng đã trả xong, đây chỉ là phần trình bày chứ không có gì để chứng minh là có việc đã trả. Hơn nữa, Tòa án cũng đã mở phiên đổi chất vào các ngày 11/9/2017 và ngày 15/9/2017 và cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, mặc dù anh H chị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ trong việc này bị đơn không quan tâm và xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, bị đơn anh H thừa nhận chốt nợ vào ngày 10/7/2015 với tổng vốn và lãi là 450.000.000 đồng, nhưng không thể hiện cụ thể vốn bao nhiêu, lãi suất bao nhiêu. Nguyên đơn cho rằng biên nhận chốt nợ vào ngày 10/7/2015 với tổng số vốn và lãi là 450.000.000 đồng thì có cộng phần vốn của số tiền 112.000.000 đồng. Do bị đơn không có gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở, nên HĐXX căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/12/2013 và biên nhận chốt nợ vào ngày 10/7/2015 có chữ ký của anh H và chị T, nên việc yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 112.000.000 đồng⁽²⁾ là có cơ sở chấp nhận.

[2]. Xét về lãi suất: Đối với biên nhận nợ ngày 15/12/2013 của số tiền 112.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh T không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nhưng xét thấy yêu cầu này là có lợi cho bị đơn nên HĐXX ghi nhận.

Đối với biên nhận nợ ngày 24/11/2014 với tiền vốn 250.000.000 đồng nguyên đơn anh T cho rằng lãi suất thỏa thuận giữa 02 bên trước đây là 2%/tháng. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất tính lãi suất kể từ ngày 24/11/2014 đến ngày 23/3/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 0,83%/tháng là: 83.000.000 đồng.

Xét, giao dịch giữa các đương sự có căn cứ xác định đây là “Hợp đồng vay tài sản” có lãi nhưng không thống nhất lãi suất. Như vậy trong trường hợp này, căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được tính như sau: $50\% \times 20\%/năm = 10\%/năm = 0,835\%/tháng$. Vì vậy, yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Nên tiền lãi = $(0,83\% / tháng \times 250.000.000 \text{ đồng}) \times 40 \text{ tháng} = 83.000.000 \text{ đồng}^{(3)}$.

Bị đơn anh H thừa nhận anh cùng với vợ là chị T vay tiền, hơn nữa tại biên nhận nợ ngày 10/7/2015 chị T cùng ký tên vào nên chị T phải chịu trách nhiệm liên đới.

Như vậy, tổng số tiền anh H và chị T phải trả cho nguyên đơn anh T là: $(1) + (2) + (3) = 445.000.000 \text{ đồng}$.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn anh T được chấp nhận nên anh H và chị T phải chịu tiền án phí là: $20.000.000 + (45.000.000 \times 4\%) = 21.800.000$ đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo qui định.

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, 92, 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trung T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” đối với bị đơn anh Đinh Công Hoàng H.

1. Buộc anh Đinh Công Hoàng H và chị An Thị Phương T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Trung T tổng số tiền là: 445.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Trong đó, nợ gốc 362.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi hai triệu đồng); nợ lãi tính từ ngày 24/11/2014 đến ngày 23/3/2018 là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng).

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Khoản 2 Điều 357 BLDS.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T phải chịu 21.800.000 đồng (hai mươi một triệu tám trăm ngàn đồng). Nguyên đơn được nhận lại 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007201 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – bị đơn và người liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q.BT;
- CQ THADS Q.BT;
- TAND TPCT;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thúy Nguyên